



**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo  
Tự Tạo Việc Làm**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

## **Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm Thông tin về Tổ chức**

**Quyết định Thành lập số** 610/QĐ-UB ngày 2 tháng 11 năm 1991  
29/QĐ-LĐLĐ ngày 2 tháng 11 năm 2001  
08/QĐ-LĐLĐ ngày 10 tháng 3 năm 2008

Quyết định Thành lập do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh bởi Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có giá trị đến năm 2018.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Trần Kim Yến	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 6 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 6 năm 2016)
	Ông Nguyễn Huy Cận	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Xê	Thành viên
	Bà Trần Thị Việt Ánh	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Đạt	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** 14C Cách Mạng Tháng Tám  
Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam


## **Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám Đốc của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổ chức cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổ chức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổ chức cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tổ chức sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thầy mặt Ban Giám đốc  
  
Nguyễn Thị Hoàng Vân  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Hội đồng Quản trị Quý Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quý Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổ chức phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 6 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổ chức chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổ chức liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổ chức. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổ chức, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

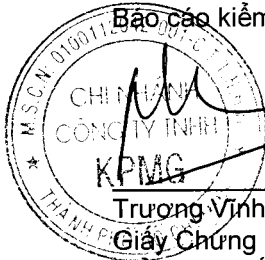


### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Ví mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-138-2016



\_\_\_\_\_  
**Trương Vĩnh Phúc**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Phạm Huy Cường**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2017

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND'000</b>	<b>31/12/2015 VND'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>2.772.109.034</b>	<b>2.390.871.042</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4	69.243.499	54.659.692
Đầu tư ngắn hạn		16.499	22.052
Các khoản cho vay phải thu ngắn hạn - thuần	5	2.671.068.042	2.309.861.493
Tài sản ngắn hạn khác	6	31.780.994	26.327.805
<b>Tài sản dài hạn</b>		<b>77.020.444</b>	<b>86.606.329</b>
Các khoản cho vay phải thu dài hạn - thuần	5	72.270.210	76.120.025
Tài sản cố định hữu hình	7	2.662.402	4.089.313
Tài sản cố định vô hình	8	981.575	1.133.111
Đầu tư dài hạn		14.234	30.733
Tài sản dài hạn khác	9	1.092.023	5.233.147
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.849.129.478</b>	<b>2.477.477.371</b>

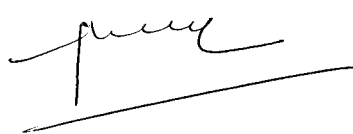
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

	Thuyết minh	31/12/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.037.099.250</b>	<b>1.799.296.266</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.660.493.481</b>	<b>1.575.176.439</b>
Vay ngắn hạn	10	841.351.638	739.325.740
Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện ngắn hạn phải trả	11	721.799.043	755.072.440
Nợ ngắn hạn khác	12	96.399.533	78.237.951
Tài trợ theo mục đích chỉ định	13	943.267	2.540.308
<b>Nợ dài hạn</b>		<b>376.605.769</b>	<b>224.119.827</b>
Vay dài hạn	14	59.688.003	96.672.143
Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện dài hạn phải trả	11	316.917.766	125.241.844
Nợ dài hạn khác		-	2.205.840
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>812.030.228</b>	<b>678.181.105</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>812.030.228</b>	<b>678.181.105</b>
Vốn		592.072.683	487.028.693
Vốn tài trợ	15	62.326.572	62.326.572
Các quỹ dự trữ		157.630.973	128.825.840
Lợi nhuận chưa phân phối		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.849.129.478</b>	<b>2.477.477.371</b>

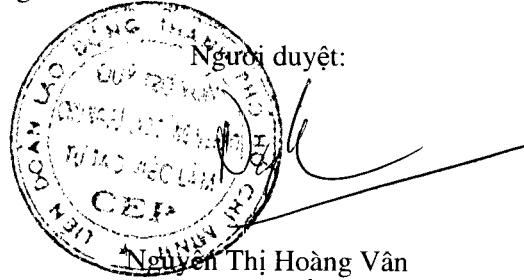
Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Người lập:



Phan Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoàng Vân  
Giám đốc

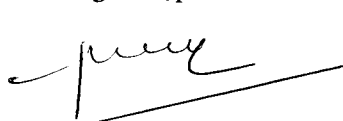
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	16	471.555.460	404.114.325
Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi		539.318	1.305.186
Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác		261.833	281.858
<b>Tổng thu nhập từ các hoạt động kinh doanh</b>		<b>472.356.611</b>	<b>405.701.369</b>
Chi phí lãi	17	(58.923.369)	(51.658.080)
Dự phòng phải thu khó đòi	5	(7.349.791)	(5.594.166)
Phí hoa hồng		(66.376.068)	(54.471.113)
Lương và các chi phí liên quan		(130.047.622)	(119.726.627)
Chi phí sửa chữa, bảo trì và văn phòng phẩm		(2.577.185)	(2.588.448)
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	7, 8	(2.448.819)	(2.328.698)
Phí bưu phẩm và thông tin liên lạc		(2.815.052)	(2.557.599)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(30.155)	(247.085)
Chi phí đào tạo		(427.090)	(292.244)
Chi phí vận chuyển		(3.964.092)	(4.064.507)
Chi phí thuê và các tiện ích liên quan		(3.407.490)	(3.060.095)
Chi phí từ hoạt động kinh doanh khác	18	(44.047.033)	(37.649.172)
<b>Tổng chi phí từ các hoạt động kinh doanh</b>		<b>(322.413.766)</b>	<b>(284.237.834)</b>
<b>Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh</b>		<b>149.942.845</b>	<b>121.463.535</b>
<b>Thu nhập từ các hoạt động khác</b>			
Thu từ tài trợ	19	120.000	3.613.028
<b>Thu nhập trước thuế</b>		<b>150.062.845</b>	<b>125.076.563</b>
Thuế thu nhập	20	-	-
<b>Thu nhập thuần sau thuế</b>		<b>150.062.845</b>	<b>125.076.563</b>

Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Người lập:



Phan Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoàng Vân  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>Vốn</b>			
Số dư đầu năm			
Vốn điều lệ		40.000.000	-
Các nguồn vốn khác		447.028.693	381.885.199
		<hr/>	<hr/>
		487.028.693	381.885.199
Tăng trong năm			
Chuyển từ các quỹ khác sang vốn điều lệ		-	20.000.000
Chuyển từ vay sang vốn điều lệ		-	20.000.000
Chuyển từ quỹ dự trữ bổ sung vốn sang các quỹ khác		105.043.990	85.143.494
		<hr/>	<hr/>
		105.043.990	125.143.494
Giảm trong năm			
Chuyển từ các quỹ khác sang vốn điều lệ		-	(20.000.000)
		<hr/>	<hr/>
		-	(20.000.000)
Số dư cuối năm			
Vốn điều lệ		40.000.000	40.000.000
Các nguồn vốn khác		552.072.683	447.028.693
		<hr/>	<hr/>
		592.072.683	487.028.693
<b>Vốn tài trợ</b>	<b>15</b>		
Số dư đầu năm		62.326.572	58.883.572
Chuyển từ lợi nhuận chưa phân phối		-	3.443.000
		<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm		62.326.572	62.326.572
		<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>Các quỹ dự trữ</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>			
Quỹ dự phòng tài chính		65.589.380	53.426.024
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		63.236.460	51.955.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	9.289.670
		<hr/>	<hr/>
		128.825.840	114.671.414
<b>Bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối</b>			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		105.043.990	85.143.494
Quỹ dự phòng tài chính		15.006.285	12.163.356
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		15.006.285	12.163.357
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.006.285	12.163.356
		<hr/>	<hr/>
		150.062.845	121.633.563
<b>Bổ sung từ các nguồn khác</b>			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	3.704
<b>Chuyển sang vốn</b>			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		(105.043.990)	(85.143.494)
<b>Phân phối và sử dụng</b>			
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		(1.207.437)	(882.617)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	(10.384.000)
		<hr/>	<hr/>
		(1.207.437)	(11.266.617)
<b>Chuyển sang nợ phải trả</b>			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(15.006.285)	(11.072.730)
<b>Số dư cuối năm</b>			
Quỹ dự phòng tài chính		80.595.665	65.589.380
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		77.035.308	63.236.460
		<hr/>	<hr/>
		157.630.973	128.825.840
		<hr/>	<hr/>


*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND'000</b>	<b>2015 VND'000</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>			
Số dư đầu năm		-	-
Thu nhập thuần trong năm		150.062.845	125.076.563
Chuyển sang các quỹ dự trữ		(150.062.845)	(121.633.563)
Chuyển sang vốn tài trợ	15	-	(3.443.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm		-	-
<hr/>			

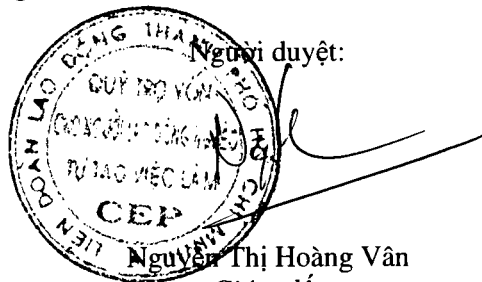
Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Người lập:



Phan Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoàng Vân  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>Thu nhập trước thuế</b>	<b>150.062.845</b>	<b>125.076.563</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao và phân bổ	2.448.819	2.328.698
Dự phòng phải thu khó đòi	7.349.791	5.594.166
Tiền trợ cấp	(120.000)	(3.613.028)
Thu nhập lãi	(472.094.778)	(405.419.511)
Chi phí lãi	58.923.369	51.658.080
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(253.429.954)</b>	<b>(224.375.032)</b>
<b>Thay đổi vốn lưu động</b>		
Biến động các khoản cho vay phải thu	(364.706.525)	(575.215.362)
Biến động các tài sản khác	(1.941.516)	(6.676.946)
Biến động tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện phải trả	158.402.525	169.283.497
Biến động các khoản nợ phải trả khác	(6.371.822)	(1.431.444)
	<b>(214.617.338)</b>	<b>(414.040.255)</b>
Thu nhập lãi nhận được	468.275.082	401.747.233
Tiền lãi đã trả	(51.886.963)	(48.238.363)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>(51.659.173)</b>	<b>(284.906.417)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi mua tài sản cố định	(870.372)	(3.332.395)
Tiền thu/(chi) cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	4.471.199	(665.833)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>3.600.827</b>	<b>(3.998.228)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	1.253.617.497	1.252.336.949
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	(1.188.575.739)	(911.590.184)
Phân phối và chi trả từ các quỹ dự trữ	(1.207.437)	(11.266.617)
Tiền thu từ tài trợ theo mục đích chi định	-	2.228.507
Tiền chi dùng cho tài trợ theo mục đích chi định	(1.192.168)	(3.785.913)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>62.642.153</b>	<b>327.922.742</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

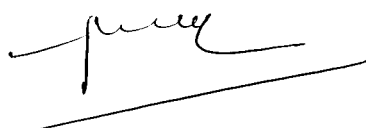
	2016 VND'000	2015 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	14.583.807	39.018.097
Tiền đầu năm	54.659.692	15.641.595
Tiền cuối năm (Thuyết minh số 4)	<u>69.243.499</u>	<u>54.659.692</u>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

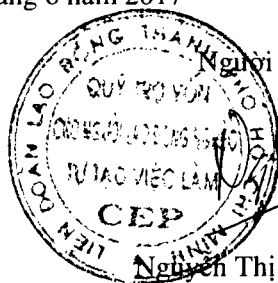
	2016 VND'000	2015 VND'000
Bổ sung vốn dưới dạng chuyển từ các quỹ dự trữ	105.043.990	85.143.494
Bổ sung vốn dưới dạng chuyển từ các khoản vay	-	20.000.000

Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Người lập:



Phan Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoàng Vân  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm** **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Thành lập và hoạt động chính**

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”) là một tổ chức trực thuộc Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của tổ chức là (a) cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho các hộ nghèo và thành viên có thu nhập thấp của cộng đồng; (b) xóa đói giảm nghèo và giảm thiểu tình trạng thất nghiệp bằng việc hỗ trợ các hoạt động tạo thu nhập và tự tạo việc làm nhằm dần cải thiện an sinh; (c) hỗ trợ hộ nghèo và thành viên có thu nhập thấp của cộng đồng nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm và duy trì lối sống lành mạnh và môi trường xã hội. Thu nhập thuần từ hoạt động của Tổ chức được dùng để tạo điều kiện hoạt động hiệu quả và đạt được những mục tiêu của Tổ chức đã đề ra.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2016, Tổ chức đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam để chuyển đổi hình thức pháp lý thành một tổ chức tài chính vi mô dưới dạng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

#### **(b) Trụ sở**

Tổ chức tọa lạc tại 14C đường Cách Mạng Tháng Tám, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **(c) Chu kỳ hoạt động bình thường**

Chu kỳ hoạt động bình thường của Tổ chức thường là trong vòng 12 tháng.

#### **(d) Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổ chức có một Trụ sở chính, 34 chi nhánh và 557 nhân viên (31/12/2015: một Trụ sở chính, 33 chi nhánh và 519 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Các báo cáo tài chính được lập theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư Vấn Trợ Giúp Người Nghèo (“CGAP”) áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được nêu trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính.

Các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của CGAP áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô là các quy tắc tự nguyện được đề nghị bởi Ban Tư vấn của các nhà tài trợ quốc tế. Do đó, nếu một tổ chức không tuân thủ các hướng dẫn của CGAP thì điều này không có nghĩa là tổ chức này hoặc báo cáo tài chính của tổ chức này đã vi phạm luật pháp hoặc vi phạm các chuẩn mực kế toán hoặc chuẩn mực báo cáo tài chính có hiệu lực khác.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổ chức là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổ chức là Việt Nam Đồng ("VND"), và cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn tới hàng nghìn ("VND'000").

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổ chức áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại các ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư**

Đầu tư ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm.

Đầu tư dài hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn gốc trên một năm.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**(d) Các khoản cho vay phải thu**

Các khoản cho vay phải thu phản ánh số dư nợ gốc còn lại của các khoản cho vay trong hạn và quá hạn và được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(i) Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc bằng cách áp dụng tỷ lệ tổn thất ước tính trên tuổi nợ của các khoản cho vay bị quá hạn. Một khoản cho vay được coi là quá hạn khi thời hạn trả góp theo lịch bị trễ từ 1 ngày trở lên. Tỷ lệ tổn thất ước tính được dựa vào sự phân tích dữ liệu về các khoản cho vay trễ hạn trong quá khứ của Ban Giám đốc. Dự phòng cụ thể phải thu khó đòi được tính cho các khoản nợ gốc chưa trả của tất cả các khoản vay bị trễ hạn trên 10 ngày theo tỷ lệ dự phòng như sau:

Chính sách dự phòng được áp dụng cho các khoản cho vay quá hạn như sau:

		Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	Quá hạn dưới 10 ngày	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	Quá hạn từ 10 ngày đến dưới 30 ngày	2%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	Quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày	25%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	Quá hạn từ 90 ngày đến dưới 180 ngày	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	Quá hạn trên 180 ngày	100%

Ngoài ra, Ban Giám đốc sẽ có quyết định tùy từng trường hợp rằng liệu có cần phải lập thêm dự phòng cụ thể cho các khoản phải thu khó đòi khi các nỗ lực thu nợ không có kết quả.

Cùng với dự phòng cụ thể được đề cập ở trên, dự phòng chung được trích lập với mức bằng 0,3% (2015: 0,2%) tổng số dư các khoản cho vay phải thu không bao gồm các khoản cho vay phải thu được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,3% tổng số dư các khoản cho vay phải thu tại ngày 30 tháng 11).

**(ii) Chính sách xóa nợ**

Các khoản vay được xóa sổ khi người đi vay đã chết, mất tích hoặc bị bệnh hiểm nghèo, bị kết án tù, hoặc trốn khỏi địa phương hơn 3 năm. Tất cả các trường hợp này được trình lên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt mỗi quý. Thông thường nợ được xóa bằng cách ghi giảm giá trị của danh mục cho vay, sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi hoặc, nếu không có khoản dự phòng thì sẽ ghi nhận trực tiếp vào chi chí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(e) Tài sản ngắn hạn khác**

Tài sản ngắn hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng tổn thất.



**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được phân bổ.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(h) Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện phải trả**

Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc phản ánh khoản tiền gửi mà người đi vay phải gửi tại Tổ chức để được giải ngân khoản vay với mục đích chính là giúp người đi vay có được một khoản tiết kiệm sau khi kết thúc khoản vay. Khoản tiền gửi tiết kiệm bắt buộc yêu cầu đóng hàng tháng tương đương 1% khoản cho vay. Khoản tiền gửi tự nguyện phản ánh khoản tiền gửi do người đi vay tự nguyện gửi tại Tổ chức.

Các khoản phải trả này được phản ánh theo giá gốc.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**(i) Nợ phải trả khác**

Nợ phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(j) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổ chức phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổ chức xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổ chức có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổ chức xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổ chức xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổ chức có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổ chức xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổ chức xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

- các khoản mà Tổ chức nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổ chức xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(k) Các khoản tài trợ**

Các khoản tài trợ theo mục đích chung thể hiện các khoản tài trợ không chỉ định mục đích và không hoàn lại nhận được từ các nhà tài trợ được sử dụng để cho vay. Các khoản tài trợ được ghi trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được và sau đó được phân bổ vào vốn tài trợ thuộc vốn chủ sở hữu. Vốn tài trợ không được phân phối.

## **Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Các khoản tài trợ theo mục đích chỉ định thể hiện các khoản tiền nhận từ các nhà tài trợ được sử dụng cho các mục đích hỗ trợ hoạt động như là đào tạo, tiếp thị, mở chi nhánh mới, mua sắm tài sản cố định. Các khoản tài trợ này được ghi trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được.

### **(l) Các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối**

Theo điều lệ hoạt động của Tổ chức, các quỹ sau được trích lập dựa trên thu nhập thuần, trừ đi thu nhập từ các khoản tài trợ nhận được sử dụng cho mục đích cho vay, được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh duyệt cho việc trích quỹ như sau:

- Trích 70% thu nhập thuần để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn;
- Trích 10% thu nhập thuần để lập quỹ dự phòng tài chính;
- Trích 10% thu nhập thuần để lập quỹ đào tạo nghiệp vụ;
- Trích 4% thu nhập thuần để lập quỹ khen thưởng; và
- Trích 6% thu nhập thuần để lập quỹ phúc lợi.

Mục đích sử dụng của các quỹ này được thiết lập như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn: bổ sung vốn cho hoạt động của Tổ chức.
- Quỹ dự phòng tài chính: nhằm bù đắp các tổn thất về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động của Tổ chức.
- Quỹ đào tạo nghiệp vụ: nhằm đầu tư vào đổi mới thiết bị, điều kiện làm việc và tay nghề của nhân viên.
- Quỹ khen thưởng: nhằm khen thưởng cho nhân viên của Tổ chức.
- Quỹ phúc lợi: nhằm đầu tư vào công tác xã hội và các hoạt động công chúng như thể thao, trình diễn văn hóa và các sự kiện phúc lợi khác cho nhân viên.

Các quỹ dự trữ này được phân loại như vốn chủ sở hữu ngoại trừ quỹ khen thưởng và phúc lợi. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân loại là nợ phải trả từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

### **(m) Vốn**

Các quỹ được chuyển sang tài khoản vốn trong vốn chủ sở hữu theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc.

### **(n) Thu nhập tiền lãi**

Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

### **(o) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổ chức nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổ chức và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền mặt	709.148	589.238
Tiền gửi ngân hàng	68.534.351	54.070.454
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	69.243.499	54.659.692

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn	0,5% - 1%	0,5% - 1%
Tiền gửi ngân hàng bằng USD		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn	0,00%	0,25%

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**5. Các khoản cho vay phải thu**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Cho vay ngắn hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	1.356.687.759	1.287.268.560
▪ Cho vay thu hàng tháng	836.465.449	588.441.494
▪ Cho vay ngắn hạn khác	22.032	51.822
▪ Cho vay dài hạn đến hạn trả	495.045.137	445.740.689
	<hr/> 2.688.220.377	<hr/> 2.321.502.565
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.152.335)	(11.641.072)
<b>Cho vay phải thu ngắn hạn – thuần</b>	<hr/> <b>2.671.068.042</b>	<hr/> <b>2.309.861.493</b>
Cho vay dài hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	8.405.503	20.087.813
▪ Cho vay thu hàng tháng	560.111.239	502.444.340
Trừ đi cho vay dài hạn đến hạn trả	(495.045.137)	(445.740.689)
	<hr/> 73.471.605	<hr/> 76.791.464
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.201.395)	(671.439)
<b>Cho vay phải thu dài hạn – thuần</b>	<hr/> <b>72.270.210</b>	<hr/> <b>76.120.025</b>
<b>Tổng cho vay phải thu – thuần</b>	<hr/> <b>2.743.338.252</b>	<hr/> <b>2.385.981.518</b>
Các khoản cho vay được phân loại theo đối tượng vay như sau:		
	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Người lao động	1.872.413.757	1.674.681.781
Công nhân viên chức	889.278.225	723.612.248
	<hr/> 2.761.691.982	<hr/> 2.398.294.029

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**5. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)**

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Cho vay ngắn hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	11,31% - 19,42%	11,39% - 20,79%
▪ Cho vay thu hàng tháng	9,59% - 18,40%	9,95% - 19,31%
Cho vay dài hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	11,32% - 19,59%	13,65% - 20,59%
▪ Cho vay thu hàng tháng	10,36% - 18,43%	11,06% - 19,69%

Tổ chức cung cấp các loại cho vay ngắn hạn như sau:

- Các khoản cho vay thu hàng tuần áp dụng cho người lao động. Khoản cho vay được thu hàng tuần với thời hạn cho vay từ 12 đến 52 tuần (2015: 16 đến 52 tuần). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,5% đến 0,84% (2015: 0,5% đến 0,9%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2015: 30.000.000 VND).
- Các khoản cho vay thu hàng tháng áp dụng cho công nhân, người lao động và viên chức. Khoản cho vay được thu hàng tháng với thời hạn cho vay từ 2 đến 12 tháng (2015: 3 đến 12 tháng). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,5% đến 0,7% (2015: 0,5% đến 0,9%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2015: 30.000.000 VND).

Tổ chức cung cấp các loại cho vay dài hạn như sau:

- Các khoản cho vay thu hàng tuần áp dụng cho người lao động. Khoản cho vay được thu hàng tuần với thời hạn cho vay từ 52 đến 120 tuần (2015: 60 đến 96 tuần). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,6% đến 0,84% (2015: 0,6% đến 0,9%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2015: 30.000.000 VND).
- Các khoản cho vay thu hàng tháng áp dụng cho công nhân, người lao động và viên chức. Khoản cho vay được thu hàng tháng với thời hạn cho vay từ 13 đến 36 tháng (2015: 13 đến 36 tháng). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,5% đến 0,7% (2015: 0,5% đến 0,9%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2015: 30.000.000 VND).

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**5. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)**

Tổ chức cũng giới hạn hạn mức cho vay của từng người để hạn chế rủi ro tín dụng.

Những người đi vay được tổ chức thành từng nhóm, mỗi nhóm có một nhóm trưởng được bầu bởi các thành viên trong nhóm. Ba đến mười nhóm vay sẽ lập thành một cụm và có một cụm trưởng. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm thu hồi các khoản vay trả từ các thành viên trong nhóm và nộp cho cụm trưởng, cụm trưởng sẽ nộp cho nhân viên tín dụng của Tổ chức theo ngày đã thỏa thuận.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có khoản vay nào được tái cơ cấu (2015: không) và 342 khoản vay với số tiền là 1.308.572.739 VND (2015: 161 khoản vay với số tiền là 595.289.067 VND) được xóa nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổ chức có 310.003 (31/12/2015: 288.533) tài khoản dư nợ cho vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản cho vay phải thu đã quá hạn từ một ngày trở lên là 50.223.272.925 VND (31/12/2015: 42.426.997.402 VND). Tổng các khoản cho vay quá hạn và dự phòng cụ thể tương ứng như sau:

<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>31/12/2016</b>		<b>PAR</b>
	<b>Số dư nợ cho vay VND'000</b>	<b>Dự phòng cụ thể VND'000</b>	
Dưới 10 ngày	22.433.766	-	0,81%
Từ 10 đến dưới 30 ngày	14.509.245	177.110	0,53%
Từ 30 đến dưới 90 ngày	2.405.122	573.716	0,09%
Từ 90 đến dưới 180 ngày	2.398.198	1.161.693	0,09%
Từ 180 ngày	8.420.106	8.193.733	0,30%
Nợ khoanh	56.836	56.836	0,00%
<b>Tổng</b>	<b>50.223.273</b>	<b>10.163.088</b>	<b>1,82%</b>

Các khoản cho vay rủi ro ("PAR") bị quá hạn từ 10 ngày trở lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1,01%. Tỷ lệ PAR được tính bằng cách chia dư nợ các khoản vay quá hạn trên 10 ngày cho tổng dư nợ.



**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**5. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)**

Tình trạng quá hạn	31/12/2015		PAR
	Số dư nợ cho vay VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	
Dưới 10 ngày	20.302.481	-	0,85%
Từ 10 đến dưới 30 ngày	12.299.830	204.645	0,51%
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.788.719	509.973	0,07%
Từ 90 đến dưới 180 ngày	1.806.597	748.650	0,08%
Từ 180 ngày	6.092.585	6.025.272	0,25%
Nợ khoanh	136.785	136.785	0,01%
<b>Tổng</b>	<b>42.426.997</b>	<b>7.625.325</b>	<b>1,77%</b>

Các khoản cho vay rủi ro (“PAR”) bị quá hạn từ 10 ngày trở lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 0,92%. Tỷ lệ PAR được tính bằng cách chia dư nợ các khoản vay quá hạn trên 10 ngày cho tổng dư nợ.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Tình trạng quá hạn	Cho vay ngắn hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Cho vay dài hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Tổng cho vay VND'000	Tổng dự phòng cụ thể VND'000
Dưới 10 ngày	20.404.501	-	2.029.265	-	22.433.766	-
Từ 10 đến dưới 30 ngày	11.792.478	136.090	2.716.767	41.020	14.509.245	177.110
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.946.995	467.132	458.127	106.584	2.405.122	573.716
Từ 90 đến dưới 180 ngày	1.991.350	972.115	406.848	189.578	2.398.198	1.161.693
Từ 180 ngày	7.468.562	7.329.520	951.544	864.213	8.420.106	8.193.733
Nợ khoanh	56.836	56.836	-	-	56.836	56.836
<b>Tổng</b>	<b>43.660.722</b>	<b>8.961.693</b>	<b>6.562.551</b>	<b>1.201.395</b>	<b>50.223.273</b>	<b>10.163.088</b>

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**5. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tình trạng quá hạn	Cho vay ngắn hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Cho vay dài hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Tổng cho vay VND'000	Tổng dự phòng cụ thể VND'000
Dưới 10 ngày	18.565.517	-	1.736.964	-	20.302.481	-
Từ 10 đến dưới 30 ngày	9.847.394	145.864	2.452.436	58.781	12.299.830	204.645
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.551.097	429.841	237.622	80.132	1.788.719	509.973
Từ 90 đến dưới 180 ngày	1.518.594	655.532	288.003	93.118	1.806.597	748.650
Từ 180 ngày	5.659.052	5.585.864	433.533	439.408	6.092.585	6.025.272
Nợ khoan	136.785	136.785	-	-	136.785	136.785
<b>Tổng</b>	<b>37.278.439</b>	<b>6.953.886</b>	<b>5.148.558</b>	<b>671.439</b>	<b>42.426.997</b>	<b>7.625.325</b>

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm:

	31/12/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Dự phòng chung (i)	8.190.642	4.687.186
Dự phòng cụ thể (ii)	10.163.088	7.625.325
	<b>18.353.730</b>	<b>12.312.511</b>

(i) Biến động của dự phòng chung trong năm như sau:

	2016 VND'000	2015 VND'000
Số dư đầu năm	4.687.186	1.663.485
Trích lập dự phòng trong năm	3.506.544	3.023.701
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.088)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.190.642</b>	<b>4.687.186</b>

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

(ii) Biến động của dự phòng cụ thể trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	7.625.325	5.650.148
Trích lập dự phòng trong năm	3.843.247	2.570.465
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.305.484)	(595.288)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.163.088	7.625.325

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND'000</b>	<b>31/12/2015</b> <b>VND'000</b>
Lãi phải thu từ cho vay	13.410.306	9.590.610
Các khoản tạm ứng	12.034.123	12.379.932
Tiền gửi có kỳ hạn	2.496.635	-
Chi phí trả trước ngắn hạn (i)	1.441.977	1.720.679
Các khoản cho nhân viên vay ngắn hạn (ii)	500.390	510.488
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	137.321
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	44.005	1.412.662
Các khoản phải thu khác	1.853.558	576.113
	<hr/>	<hr/>
	31.780.994	26.327.805

(i) Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND'000</b>	<b>2015</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	1.720.679	1.815.910
Tăng trong năm	2.072.970	2.827.687
Phân bổ trong năm	(2.351.672)	(2.922.918)
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	1.441.977	1.720.679

(ii) Tổ chức cấp các khoản cho vay không có lãi và không cần bảo đảm cho những nhân viên làm việc cho Tổ chức trên hai năm. Khoản cho vay cho mỗi nhân viên không được vượt quá (a) 60 triệu VND cho mục đích mua nhà hay đất ở, sửa nhà, xây nhà, và tổng dư nợ cho vay không được vượt quá 1,6 tỷ VND; (b) 100 triệu VND cho mục đích phẫu thuật hoặc điều trị bệnh nặng với chi phí lớn, và tổng dư nợ cho vay không được vượt quá 1 tỷ VND.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

<b>2016</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	759.879	10.895.947	810.085	12.465.911
Tăng trong năm	-	560.780	-	560.780
Xóa sổ	-	(95.756)	-	(95.756)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>759.879</b>	<b>11.360.971</b>	<b>810.085</b>	<b>12.930.935</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	557.245	7.165.781	653.572	8.376.598
Khấu hao trong năm	75.987	1.851.704	60.000	1.987.691
Xóa sổ	-	(95.756)	-	(95.756)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>633.232</b>	<b>8.921.729</b>	<b>713.572</b>	<b>10.268.533</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	202.634	3.730.166	156.513	4.089.313
Số dư cuối năm	126.647	2.439.242	96.513	2.662.402

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

<b>2015</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	759.879	8.676.722	810.085	10.246.686
Tăng trong năm	-	2.219.225	-	2.219.225
Số dư cuối năm	759.879	10.895.947	810.085	12.465.911
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	481.257	5.331.007	593.572	6.405.836
Khấu hao trong năm	75.988	1.834.774	60.000	1.970.762
Số dư cuối năm	557.245	7.165.781	653.572	8.376.598
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	278.622	3.345.715	216.513	3.840.850
Số dư cuối năm	202.634	3.730.166	156.513	4.089.313

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá là 4.814 triệu VND (31/12/2015: 4.168 triệu VND), đã khấu hao hết, nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

<b>2016</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND'000</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	178.997	2.050.257	2.229.254
Tăng trong năm	-	309.592	309.592
Số dư cuối năm	178.997	2.359.849	2.538.846
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.096.143	1.096.143
Khấu hao trong năm	-	461.128	461.128
Số dư cuối năm	-	1.557.271	1.557.271
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	178.997	954.114	1.133.111
Số dư cuối năm	178.997	802.578	981.575
<b>2015</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	178.997	937.087	1.116.084
Tăng trong năm	-	1.113.170	1.113.170
Số dư cuối năm	178.997	2.050.257	2.229.254
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	738.207	738.207
Khấu hao trong năm	-	357.936	357.936
Số dư cuối năm	-	1.096.143	1.096.143
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	178.997	198.880	377.877
Số dư cuối năm	178.997	954.114	1.133.111

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá là 679 triệu VND (31/12/2015: 679 triệu VND), đã khấu hao hết, nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**9. Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	4.449.147
Chi phí trả trước dài hạn (i)	686.681	368.448
Các khoản cho nhân viên vay dài hạn (Thuyết minh 6(iii))	405.342	415.552
	<hr/>	<hr/>
	1.092.023	5.233.147
	<hr/>	<hr/>

(i) Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	368.448	349.457
Tăng trong năm	10.772.509	11.255.736
Phân bổ trong năm	(10.454.276)	(11.236.745)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	686.681	368.448
	<hr/>	<hr/>

